

Bản án số: 208/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 6 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị D và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác
2. Bà Huỳnh Thị Thể Phương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thu D – sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 105, tổ 01, ấp 9, xã V, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Tấn L – sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thu D trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2018 chị và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V,

huyện Q, tỉnh Kiên Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2018 ngày 04-7-2018. Vợ chồng sống bình thường, đến tháng 9 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm sống, anh L nói không sống chung nữa và tự ý bỏ đi, sau đó gặp nhau một lần anh L đề nghị ly hôn. Từ năm 2018 đến nay anh chị ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Ngày 03-3-2020 chị D có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Về nuôi con chung: không có
- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Tại Tờ tường trình ngày 24-02-2020 của bà Phạm Thị Thảo (mẹ ruột của chị D) cho biết, chị D, anh L có mâu thuẫn, bà thấy hai bên sống không hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án cho chị D, anh L ly hôn.

Tòa án xác minh bà Đặng Thị Liễm (mẹ ruột anh L) cho biết, anh L và chị D không có con chung, do cuộc sống khó khăn nên cả hai đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, xảy ra mâu thuẫn, khó hàn gắn. Anh L có nói với bà đồng ý ly hôn với chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng anh Nguyễn Tấn L (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh L chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, chị D và anh L mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không hàn gắn, chị D xin ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; về án phí, chị D phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thu D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn L, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh L.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị D và anh L là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do hai bên không phù hợp nhau về cách sống, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn; cha mẹ hai bên cũng đề nghị Tòa án cho ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị D và anh L.

[4] Về nuôi con chung và chia tài sản không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thu D và anh Nguyễn Tấn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2018 ngày 04-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: không có.

3. Chia tài sản: không có

Về nợ chung: ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ

chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Thu D phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006252 ngày 29-10-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú Tân;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

